



pèng shàng

碰上

verb · to run into

Example Sentences

wǒ zài jiē shàng pèng shàng le péng yǒu
我在街上碰上了朋友。

I ran into a friend on the street.

tā jīn tiān pèng shàng le dǎo méi shì
他今天碰上了倒霉事。

He ran into some bad luck today.

lǚ xíng shí pèng shàng huài tiān qì zhēn shì sǎo xìng
旅行时碰上坏天气，真是扫兴。

Running into bad weather while traveling is really disappointing.

Trace each character, then write the word on your own.

碰	碰	碰	碰	碰	碰	碰	碰	碰	碰	碰
碰	碰	碰	碰	碰						
上	上	上	上	上	上					